

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết Quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định:

a) Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

b) Định mức chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Xây dựng quyết định mới; quyết định thay thế; quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 quyết định trở lên: 30.000.000 đồng/văn bản.

2. Xây dựng quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 quyết định: 18.000.000 đồng/văn bản.

3. Xây dựng quyết định bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ quyết định: 9.000.000 đồng/văn bản.

## **Điều 3. Định mức chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Định mức chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (bao gồm nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình và nghị quyết do các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình)

## a) Định mức chi

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Soạn thảo dự thảo văn bản	Thẩm định dự thảo văn bản	Rà soát hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Thẩm tra, ban hành
<b>1</b>	<b>Nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình</b>				
1.1	Nghị quyết mới; nghị quyết thay thế; nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 nghị quyết trở lên	140	20	15	75
1.2	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 nghị quyết	84	12	9	45
1.3	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ nghị quyết	42	6	4,5	22,5
<b>2</b>	<b>Nghị quyết do các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình</b>				
2.1	Nghị quyết mới; nghị quyết thay thế; nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 nghị quyết trở lên	175			75
2.2	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 nghị quyết	105			45
2.3	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ nghị quyết	52,5			22,5

b) Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi đối với từng hoạt động, sản phẩm trong xây dựng nghị quyết mới; nghị quyết thay thế; nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 nghị quyết trở lên thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi đối với từng hoạt động, sản phẩm trong xây dựng, ban hành nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 nghị quyết thì áp dụng bằng 60%; nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ nghị quyết thì áp dụng bằng 30% định mức khoán chi của hoạt động, sản phẩm tương ứng tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan thẩm tra căn cứ tính chất, mức độ phức tạp của văn bản, tình hình thực tế và định mức khoán chi để quyết định mức chi cho từng hoạt động, sản phẩm do cơ quan, đơn vị mình thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

2. Định mức chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Định mức chi

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Soạn thảo dự thảo văn bản	Thẩm định dự thảo văn bản	Rà soát hồ sơ, trình ban hành
1	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh			
1.1	Quyết định mới; quyết định thay thế; quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 quyết định trở lên	78	12	10
1.2	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 quyết định	46,8	7,2	6
1.3	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ quyết định	23,4	3,6	3
2	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh			
2.1	Quyết định mới; quyết định thay thế; quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 quyết định trở lên	23,4	3,6	3
2.2	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 quyết định	14	2,2	1,8
2.3	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ quyết định	7	1	1

b) Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi đối với từng hoạt động, sản phẩm trong xây dựng quyết định mới; quyết định thay thế; quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 quyết định trở lên thực hiện theo quy định tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi đối với từng hoạt động, sản phẩm trong xây dựng, ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 quyết định thì áp dụng bằng 60%; quyết định bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ quyết định thì áp dụng bằng 30% định mức khoán chi của hoạt động, sản phẩm tương ứng tại Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ, trình ban hành căn cứ tính chất, mức độ phức tạp của văn bản, tình hình thực tế và định mức khoán chi để quyết định mức chi cho từng hoạt động, sản phẩm do cơ quan, đơn vị mình thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

#### **Điều 4. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

1. Việc lập dự toán, phân bổ kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện công tác xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh năm sau; Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện công tác xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh năm sau.

3. Căn cứ danh mục nhiệm vụ thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, hoạt động đó tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, cụ thể:

a) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán kinh phí soạn thảo nghị quyết do các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình; kinh phí thẩm tra, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan chuyên môn và cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh dự toán kinh phí soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan mình chủ trì soạn thảo.

c) Sở Tư pháp dự toán kinh phí thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, hoạt động rà soát hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp trong năm phát sinh văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền giao soạn thảo nhưng chưa có trong danh mục quy định tại khoản 2 Điều này, các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều này lập bổ sung dự toán để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đó, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Việc thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm quy định tại Điều 2, Điều 3 và Phụ lục I, II, III, IV ban hành kèm theo Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm có quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả của nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện với định mức khoán chi đối với nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm đó quy định tại Điều 2, Điều 3 và Phụ lục I, II, III, IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Nghị quyết sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Bãi bỏ số thứ tự 16 Mục IV Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Quy định chuyển tiếp

Các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 mà chưa được chi trả, thanh, quyết toán kinh phí thì được bổ sung dự toán và được chi trả, thanh, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XX, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Ban của HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (NNL).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hầu Minh Lợi**

**Phụ lục I****DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI ĐỐI VỚI TỪNG HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM TRONG XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT MỚI; NGHỊ QUYẾT THAY THẾ; NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 NGHỊ QUYẾT TRỞ LÊN DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÌNH***(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (Triệu đồng)
<b>I</b>	<b>NHIỆM VỤ SOẠN THẢO</b>		<b>140</b>
1	Tổ chức tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15	Báo cáo tổng kết việc thi hành	7
		Báo cáo đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành	7
		Báo cáo kết quả khảo sát	7
		Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	7
2	Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15	Báo cáo đánh giá tác động chính sách	20
3	Xây dựng Tờ trình dự thảo nghị quyết	Tờ trình dự thảo nghị quyết	10
4	Xây dựng dự thảo nghị quyết	Dự thảo nghị quyết	20

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (Triệu đồng)
5	Xây dựng Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo nghị quyết	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	5
6	Xây dựng Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	10
7	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền theo quy định; lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền; văn bản tham gia ý kiến; tổ chức Hội nghị lấy ý kiến	10
8	Tổ chức truyền thông chính sách, dự thảo nghị quyết	Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích...); ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)	5
9	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý	5
10	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến phản biện xã hội	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến phản biện xã hội	5
11	Xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	5
12	Xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	5

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (Triệu đồng)
13	Chỉnh lý, hoàn thiện các dự thảo văn bản ( <i>Tờ trình; dự thảo nghị quyết; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo nghị quyết</i> ) sau khi lấy ý kiến tham gia, thẩm định, thẩm tra (500.000 đồng/lần chỉnh lý)	Dự thảo văn bản được hoàn thiện sau lấy ý kiến tham gia, thẩm định và thẩm tra	12
<b>II</b>	<b>NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH</b>		<b>20</b>
1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi thẩm định ( <i>Xây dựng phiếu kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết</i> )	Phiếu kiểm tra hồ sơ	0,5
2	Xây dựng văn bản đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định	Văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	0,5
3	Tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Hội đồng thẩm định/cuộc họp thẩm định	5
4	Lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan; chuyên gia, nhà khoa học	Các văn bản cho ý kiến thẩm định	5
5	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	9
<b>III</b>	<b>NHIỆM VỤ TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ, TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>		<b>15</b>
1	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ dự thảo nghị quyết.	Xây dựng phiếu tiếp nhận, rà soát hồ sơ dự thảo nghị quyết	2
2	Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh; lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh	5

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (Triệu đồng)
3	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	Hồ sơ trình dự thảo nghị quyết sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	8
<b>IV</b>	<b>NHIỆM VỤ THẨM TRA, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT</b>		<b>75</b>
<b>1</b>	<b>Chủ trì nội dung thẩm tra</b>		<b>37,6</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, quy trình và tham mưu xây dựng các văn bản chuẩn bị thẩm tra dự thảo nghị quyết;</li> <li>- Nghiên cứu tài liệu phục vụ thẩm tra; Xây dựng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp bao gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu tiếp nhận, rà soát hồ sơ</li> <li>- Văn bản mời họp thẩm tra</li> <li>- Kết quả nghiên cứu; Báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết</li> <li>- Tham gia ý kiến của các thành viên Ban; văn bản tổng hợp ý kiến tham gia</li> </ul>	37,6
<b>2</b>	<b>Phối hợp thẩm tra (03 Ban)</b>		<b>9</b>
	Xây dựng báo cáo phối hợp nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh	Báo cáo phối hợp thẩm tra (tính theo sản phẩm của 01 báo cáo phối hợp)	3
<b>3</b>	<b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo</b>		<b>10</b>
	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn bản cho ý kiến đề nghị, đăng ký xây dựng nghị quyết; các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; ký chứng thực nghị quyết	10

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (Triệu đồng)
4	<b>Nghiên cứu, thông qua nghị quyết</b>		<b>8,4</b>
	Nghiên cứu các tài liệu, thông qua nghị quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm	Biểu quyết nghị quyết	8,4
5	<b>Công tác chỉ đạo tham mưu, giúp việc, phục vụ; hoàn thiện để thông qua, phát hành Nghị quyết</b>		<b>10</b>
	Hoạt động chỉ đạo của lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký chứng thực, phát hành (Công chức, người lao động tham mưu, giúp việc, phục vụ thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh)	Văn bản chỉ đạo; văn bản trình, dự thảo nghị quyết được chỉnh lý; nghị quyết được phát hành	10

**Phụ lục II**

**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI ĐỐI VỚI TỪNG HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM TRONG XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT MỚI; NGHỊ QUYẾT THAY THẾ; NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 NGHỊ QUYẾT TRỞ LÊN DO CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÌNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

<b>STT</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Định mức khoản chi (Triệu đồng)</b>
<b>I</b>	<b>NHIỆM VỤ SOẠN THẢO</b>		<b>175</b>
1	Tổ chức tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15	Báo cáo tổng kết việc thi hành	10
		Báo cáo đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành	10
		Báo cáo kết quả khảo sát	10
		Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	10
2	Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15	Báo cáo đánh giá tác động chính sách	20
3	Xây dựng Tờ trình dự thảo nghị quyết	Tờ trình dự thảo nghị quyết	10
4	Xây dựng dự thảo nghị quyết	Dự thảo nghị quyết	20
5	Xây dựng Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo nghị quyết	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	10

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (Triệu đồng)
6	Xây dựng Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	10
7	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền theo quy định; lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến đối với nghị quyết do các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền; văn bản tham gia ý kiến; tổ chức Hội nghị lấy ý kiến	16
8	Tổ chức truyền thông chính sách, dự thảo nghị quyết	Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích...); ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)	10
9	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý; Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến phản biện xã hội (nếu có)	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến phản biện xã hội (nếu có)	12
10	Xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	9

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (Triệu đồng)
11	Chỉnh lý, hoàn thiện các dự thảo văn bản ( <i>Tờ trình; dự thảo nghị quyết; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo nghị quyết</i> ) sau khi lấy ý kiến tham gia, thẩm tra (500.000 đồng/lần chỉnh lý)	Dự thảo văn bản được hoàn thiện sau lấy ý kiến tham gia và thẩm tra	18
<b>II</b>	<b>NHIỆM VỤ THẨM TRA, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT</b>		<b>75</b>
<b>1</b>	<b>Chủ trì nội dung thẩm tra</b>		<b>37,6</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, quy trình và tham mưu xây dựng các văn bản chuẩn bị thẩm tra dự thảo nghị quyết;</li> <li>- Nghiên cứu tài liệu phục vụ thẩm tra; Xây dựng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp bao gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu tiếp nhận, rà soát hồ sơ</li> <li>- Văn bản mời họp thẩm tra</li> <li>- Kết quả nghiên cứu; Báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết</li> <li>- Tham gia ý kiến của các thành viên Ban; văn bản tổng hợp ý kiến tham gia.</li> </ul>	37,6
<b>2</b>	<b>Phối hợp thẩm tra (03 Ban)</b>		<b>9</b>
	Xây dựng báo cáo phối hợp nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh	Báo cáo phối hợp thẩm tra (tính theo sản phẩm của 01 báo cáo phối hợp)	3
<b>3</b>	<b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo</b>		<b>10</b>
	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn bản cho ý kiến đề nghị, đăng ký xây dựng nghị quyết; các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; ký chứng thực nghị quyết	10

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (Triệu đồng)
4	<b>Nghiên cứu, thông qua nghị quyết</b>		<b>8,4</b>
	Nghiên cứu các tài liệu, thông qua nghị quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm	Biểu quyết nghị quyết	8,4
5	<b>Công tác chỉ đạo tham mưu, giúp việc, phục vụ; hoàn thiện để thông qua, phát hành Nghị quyết</b>		<b>10</b>
	Hoạt động chỉ đạo của lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký chứng thực, phát hành (Công chức, người lao động tham mưu, giúp việc, phục vụ thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh)	Văn bản chỉ đạo; văn bản trình, dự thảo nghị quyết được chỉnh lý; nghị quyết được phát hành	10

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI ĐỐI VỚI TỪNG HOẠT ĐỘNG,**  
**SẢN PHẨM TRONG XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH MỚI; QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ; QUYẾT ĐỊNH**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 QUYẾT ĐỊNH TRỞ LÊN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (Triệu đồng)
<b>I</b>	<b>NHIỆM VỤ SOẠN THẢO</b>		<b>78</b>
1	Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 21 của Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15	Báo cáo tổng kết việc thi hành	5
		Báo cáo đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành	5
		Báo cáo kết quả khảo sát	5
		Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	5
2	Xây dựng Tờ trình dự thảo quyết định	Tờ trình dự thảo quyết định	5
3	Xây dựng dự thảo quyết định	Dự thảo quyết định	10
4	Xây dựng Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo quyết định	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	5
5	Xây dựng Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	5

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (Triệu đồng)
6	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền theo quy định; lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản thông báo, kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền; văn bản tham gia ý kiến; tổ chức Hội nghị lấy ý kiến	5
7	Tổ chức truyền thông chính sách, dự thảo quyết định	Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích...); ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)	5
8	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý	5
9	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến phản biện xã hội	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến phản biện xã hội	5
10	Xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	5
11	Chỉnh lý, hoàn thiện các dự thảo văn bản ( <i>Tờ trình; dự thảo quyết định; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo quyết định</i> ) sau khi lấy ý kiến tham gia, thẩm định (500.000 đồng/lần chỉnh lý)	Dự thảo văn bản được hoàn thiện sau lấy ý kiến tham gia, thẩm định	8

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (Triệu đồng)
<b>II</b>	<b>NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH</b>		<b>12</b>
1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định gửi thẩm định ( <i>Xây dựng phiếu kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định</i> )	Phiếu kiểm tra hồ sơ	0,5
2	Xây dựng văn bản đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định	Văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	0,5
3	Tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Hội đồng thẩm định/cuộc họp thẩm định	3
4	Lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan; chuyên gia, nhà khoa học	Các văn bản cho ý kiến thẩm định	2
5	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	6
<b>III</b>	<b>NHIỆM VỤ TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ, TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>		<b>10</b>
1	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ dự thảo quyết định	Xây dựng phiếu tiếp nhận, rà soát hồ sơ dự thảo quyết định	2
2	Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh; lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh	3
3	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	Hồ sơ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành	5

**Phụ lục IV**

**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI ĐỐI VỚI TỪNG HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM TRONG XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH MỚI; QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ; QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 QUYẾT ĐỊNH TRỞ LÊN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

<b>STT</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Định mức khoản chi (Triệu đồng)</b>
<b>I</b>	<b>NHIỆM VỤ SOẠN THẢO</b>		<b>23,4</b>
1	Đánh giá việc thi hành pháp luật ở địa phương để xác định nội dung phân cấp và biện pháp chỉ đạo, điều hành của UBND, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Báo cáo đánh giá việc thi hành	2
2	Xây dựng Tờ trình dự thảo quyết định	Tờ trình dự thảo quyết định	3
3	Xây dựng dự thảo quyết định	Dự thảo quyết định	5
4	Xây dựng Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo quyết định	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	1
5	Xây dựng Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (Triệu đồng)
6	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền theo quy định; lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền; văn bản tham gia ý kiến; tổ chức Hội nghị lấy ý kiến	2
7	Tổ chức truyền thông chính sách, dự thảo quyết định	Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích...); ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)	0,5
8	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý	2,4
9	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến phản biện xã hội	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến phản biện xã hội	1
10	Xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	2
11	Chỉnh lý, hoàn thiện các dự thảo văn bản ( <i>Tờ trình; dự thảo quyết định</i> ) sau khi lấy ý kiến tham gia, thẩm định (500.000 đồng/lần chỉnh lý)	Dự thảo văn bản được hoàn thiện sau lấy ý kiến tham gia, thẩm định	3,5
<b>II</b>	<b>NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH</b>		<b>3,6</b>
1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định gửi thẩm định ( <i>Xây dựng phiếu kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định</i> )	Phiếu kiểm tra hồ sơ	0,2

<b>STT</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Định mức khoán chi (Triệu đồng)</b>
2	Xây dựng văn bản đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định	Văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	0,1
3	Tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Họp hội đồng thẩm định/cuộc họp thẩm định	0,8
4	Lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan; chuyên gia, nhà khoa học	Các văn bản cho ý kiến thẩm định	0,5
5	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	2
<b>III</b>	<b>NHIỆM VỤ TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ, TRÌNH ỦY CHỦ TỊCH BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>		<b>3</b>
1	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ dự thảo quyết định	Xây dựng phiếu tiếp nhận, rà soát hồ sơ dự thảo quyết định	1
2	Hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành	Hồ sơ trình dự thảo quyết định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2